

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 28-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BC, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T;
2. Bà Nguyễn Kim L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Q - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 194/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2018/QĐXXST-HS ngày 09/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/HSST-QĐ ngày 30/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/HSST-QĐ ngày 28/12/2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn L (tên gọi khác: L Cổ Lùn) sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh; Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân T, xã Hưng T, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; tiền án: Ngày 15/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội: “trộm cắp tài sản” theo Bản án số 87/2014/HSST (Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/4/2016 và chấp hành xong toàn bộ Bản án vào ngày 02/12/2016); tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/7/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 37/2018/HS-ST. Hiện nay, bị cáo đang thi hành án hình phạt tù tại Trại giam Tổng Lê Chân - Bộ Công an thuộc huyện HQ, tỉnh Bình

Phước theo Bản án số 37/2018/HS-ST ngày 24/7/2018. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Anh Võ Đại L1, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: Thôn Phúc H, xã Phúc T, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Nhà trọ Thanh Xuân, khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn S, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Thôn Phúc H, xã Phúc T, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Nhà trọ Thanh Xuân, khu phố PH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/10/2017, Phạm Văn L bắt xe buýt từ nhà ở ấp Tân T, xã Hưng T, huyện TB, tỉnh Tây Ninh đến phòng trọ số 12 của bạn là Nguyễn Xuân V tại nhà trọ Bùi Văn Niên thuộc khu phố AH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương chơi và ngủ lại qua đêm. Đến khoảng 10 giờ, ngày 31/10/2017, anh Võ Đại L1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future màu đen, biển số 49D1-354.75 đến phòng trọ của Nguyễn Xuân V chơi. Tại đây, Phạm Văn L, V và L1 ngồi chơi với nhau được một lúc đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 31/10/2017, L mượn xe của anh L1 để đi ra quán ăn cơm, anh L1 đồng ý và giao xe cho L. Sau khi L điều khiển xe của anh L1 đi ăn cơm, do không có tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt luôn xe mô tô của anh L1 để bán lấy tiền tiêu xài. L đã điều khiển xe mô tô Honda Future màu đen, biển số 49D1-354.75 sang Campuchia cầm cố cho một người đàn ông không rõ lai lịch được số tiền 10.000.000 đồng, L đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Sau khi thấy L lấy xe đi và không về, anh L1 nghi L đã chiếm đoạt xe nên có đi tìm L nhưng không được nên đã báo với Công an phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương toàn bộ sự việc.

Ngày 15/4/2018, Phạm Văn L bị Công an huyện TB, tỉnh Tây Ninh bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản L đã thực hiện trên địa bàn huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản ngày 30/7/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã BC xác định: 01 xe mô tô Honda Future màu đen, biển số 49D1-354.75 đã qua sử dụng trị giá 26.400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 203/CT-VKSBC ngày 26/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù 16 đến 18 tháng tù. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo bồi thường số tiền 26.400.000 đồng cho bị hại Võ Đại L1.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại trình bày: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là xe mô tô Honda Future màu đen, biển số 49D1-354.75 hiện không thu hồi lại được nên bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 26.400.000 đồng. Ngoài ra, bị hại không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự cũng như trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã BC, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã BC trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 31/10/2017, tại phòng trọ số 12 nhà trọ Bùi Văn Niễn thuộc khu phố AH, phường HL, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã mượn xe mô tô Honda Future màu đen, biển số 49D1-354.75 của bị hại Võ Đại L1 để đi ăn cơm. Tuy nhiên, sau khi ăn cơm xong, bị cáo không đem trả lại

xe cho anh L1 mà nảy sinh ý định chiếm đoạt xe để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện hành vi, bị cáo đã điều khiển xe mô tô Honda Future màu đen, biển số 49D1-354.75 qua Campuchia cầm cố cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch được số tiền 10.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại trong việc giao tài sản cho bị cáo mượn sử dụng để đi ăn cơm nhưng vì bản chất tham lam, tư lợi, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại nên bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là 01 xe mô tô hiệu Honda Future màu đen, biển số 49D1.354.75. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 26.400.000 đồng. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, bản Cáo trạng số 203/CT-VKSBC ngày 26/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực thi hành. Bản Cáo trạng số 203/CT-VKSBC ngày 26/10/2018 ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC truy tố bị cáo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Thời điểm Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương đưa ra xét xử đối với bị cáo (28/01/2019) thì Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định theo hướng có lợi hơn cho người phạm tội. Theo đó, đối chiếu với điều luật được quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức hình phạt cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 thì hành vi của bị cáo cùng vụ án được áp dụng giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt mức án có lợi hơn cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước và pháp luật.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 15/8/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 87/2014/HSST. Bị cáo chấp hành xong toàn bộ Bản án này vào ngày 02/12/2016. Ngày 31/10/2017, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã từng bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác và bị xử phạt mức án 03 năm tù. Đáng lẽ sau khi chấp hành xong hình phạt tù thì bị cáo phải biết ăn năn, hối cải sửa đổi bản thân nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, thể hiện thái độ xem thường, bất chấp pháp luật do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội nhằm răn đe, giáo dục cho ý thức pháp luật của bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là xe mô tô hiệu Honda Future màu đen, biển số 49D1.354.75, bị cáo đã cầm cố tại Campuchia cho một người không rõ nhân thân, lai lịch và không thu hồi lại được. Bị hại Võ Đại L1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe chiếm đoạt là 26.400.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn L đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 26.400.000 đồng. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận dựa trên sự tự nguyện và là quyền tự quyết định, định đoạt giữa các bên, sự thỏa thuận này là phù hợp, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị hại Võ Đại L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với người đàn ông nhận cầm cố xe của bị cáo, hiện không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Khi nào xác định được sẽ giải quyết sau.

[10] Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án: Ngày 24/7/2018, bị cáo Phạm Văn L bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 37/2018/HSST. Do đó, áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp chung hình phạt đối với Bản án số 37/2018/HSST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của Bản án số 37/2018/HSST ngày 24/7/2018 được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 140; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L (tên gọi khác: L Cổ Lùn) phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn L (tên gọi khác: L Cổ Lùn) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 37/2018/HSST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh đối với bị cáo Phạm Văn L.

Buộc bị cáo Phạm Văn L (tên gọi khác: L Cổ Lùn) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/4/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường số tiền 26.400.000 đồng cho bị hại.

Buộc bị cáo Phạm Văn L bồi thường cho anh Võ Đại L1 số tiền 26.400.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực thi hành và anh Võ Đại L1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phạm Văn L chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng bị cáo Phạm Văn L còn phải thanh toán cho anh

L1 số tiền lãi bằng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.320.000 đồng (một triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã BC;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã BC;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- CA thị xã BC;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị T

